

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 590/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: số 500/50/13 Đoàn Văn B, Phường A, Quận G, Thành phố H; Tạm trú: số 3/17/9 đường 25A, tổ 28, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1969; Địa chỉ: Địa chỉ: số 500/50/13 Đoàn Văn B, Phường A, Quận G, Thành phố H; Tạm trú: số 3/17/9 đường 25A, tổ 28, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn A

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn A thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/2009 do UBND Phường T, Quận B, Thành phố H cấp ngày 28/7/2009).

- Về con chung: vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Kim T (nữ),

sinh ngày 16/9/1992 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Kim H (nữ), sinh ngày 24/12/1993 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành Q (nam), sinh ngày 12/5/2005, cả hai thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Thành Q cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: cả hai cam kết không có nợ chung.

- Về án phí: Bà Trần Thị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0024365 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho bà Trần Thị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.H;
- UBND Phường T, Quận B, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân